

Bản án số: 55/2020/DS-ST  
Ngày 19-5-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Ninh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 51/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng NViệt Nam (gọi tắt là Ngân hàng); địa chỉ trụ sở: Số 18 Trần Hữu Dực, khu đô thị mới Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Nguyễn Hồng C, chức vụ: Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng Nhuyện Châu Phú, theo Giấy ủy quyền ngày 18/5/2020 (có mặt).

Địa chỉ: Số 91, Quốc lộ 91, ấp Bình Hòa, thị trấn CD, huyện C, tỉnh An Giang.

**- Bị đơn:** Ông La Hà S, sinh năm 1979 và bà Hồ Thị Q, sinh năm 1982; cùng địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Phó, xã MĐ, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Hồng Châu đại diện của nguyên đơn Ngân hàng NViệt Nam trình bày:*

Vào ngày 04/6/2010, bà Hồ Thị Q có ký với Ngân hàng Nhuyện C hợp đồng tín dụng số 3437/2010/HĐTD để vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, phương thức thanh toán: trả vốn cuối kỳ, trả lãi hằng tháng, mục đích vay kinh doanh phục vụ máy suốt.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên bà Hồ Thị Q và ông La Hà S đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 3437/HĐTC ngày 28/4/2010 có đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C ngày 29/4/2010.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông S, bà Q không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả vốn và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tính đến ngày 19/5/2020, ông S, bà Q còn nợ vốn 100.000.000 đồng, lãi trong hạn 152.445.833 đồng và lãi quá hạn 72.025.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 324.470.833 đồng.

Nay Ngân hàng NViệt Nam yêu cầu ông La Hà S và bà Hồ Thị Q cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng NViệt Nam số tiền vốn, lãi tổng cộng là 324.470.833 đồng (trong đó: vốn 100.000.000 đồng, lãi trong hạn 152.445.833 đồng và lãi quá hạn 72.025.000 đồng). Ngân hàng còn yêu cầu ông S, bà Q còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 20/5/2020 cho đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra, Ngân hàng NViệt Nam còn yêu cầu trường hợp ông S, bà Q không trả được nợ vốn, lãi thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn, lãi.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Ông S, bà Q có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay số tiền 100.000.000 đồng. Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có công chứng, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự. Ông S, bà Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ vốn, lãi và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà Ngân hàng với ông S, bà Q ký kết đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, có công chứng, có đăng ký giao dịch đảm bảo, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao dịch, khi ông S, bà Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị đương sự chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hợp đồng tín dụng số 3437/2010/HĐTD; Hợp đồng thế chấp số 3437/HĐTC ngày 28/4/2010; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; Giấy ủy quyền....

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về áp dụng luật giải quyết tranh chấp: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với ông S, bà Q vào năm 2010 - thời điểm Bộ luật Dân sự 2005 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đang có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, giao dịch dân sự của các bên chưa được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự hiện hành (năm 2015) thì áp dụng luật hiện hành để giải quyết. Trong vụ án này giao dịch của các bên đảm bảo nội dung vay có lãi và hình thức bằng văn bản phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, Tòa án áp dụng luật chung là Bộ luật Dân sự năm 2015 và luật chuyên ngành là Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Q, ông S có ký với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số: 3437/2010/HĐTD để vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn là 1%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,5%/tháng, hình thức trả vốn, lãi cuối kỳ, mục đích vay kinh doanh phục vụ máy suốt. Từ khi vay đến nay ông S, bà Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, nên Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu ông S, bà Q phải trả toàn bộ số tiền vốn, lãi và tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày

20/5/2020 cho đến khi trả xong khoản nợ. Đồng thời, Ngân hàng còn yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông S, bà Q không thanh toán được vốn, lãi.

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số: 3437/2010/HĐTD ngày 04/6/2010, Hội đồng xét xử nhận định:

Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý có ghi rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các chứng cứ kèm theo gồm: Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Tòa án chấp nhận chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

Hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời, quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu thanh toán vốn, lãi và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi trả xong toàn bộ vốn, lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại 280 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp số 3437/HĐTC ngày 28/4/2010, Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng thế chấp này được các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có công chứng và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 3 Điều 188 Luật đất đai 2013 và điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số: 83/2010/NĐ-CP, ngày 23/7/2010 của Chính Phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, Ngân hàng yêu cầu trường hợp ông S, bà Q không trả được vốn, lãi thì được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng. Do ông S, bà Q vi phạm nghĩa vụ nên ông S, bà Q phải chịu, Ngân hàng đã tạm ứng đủ, nên ông S, bà Q phải hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

[3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông S, bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc thanh toán.

Với yêu cầu được chấp nhận Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NViệt Nam đối với ông La Hà S, bà Hồ Thị Q.

- Buộc ông La Hà S, bà Hồ Thị Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi tính đến ngày 19/5/2020 là 324.470.833 đồng (trong đó: vốn 100.000.000 đồng, lãi trong hạn 152.445.833 đồng và lãi quá hạn 72.025.000 đồng).

- Ông La Hà S, bà Q còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền gốc 100.000.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết kể từ ngày 20/5/2020 cho đến khi trả xong khoản nợ.

- Trường hợp ông La Hà S, bà Hồ Thị Q không thanh toán được vốn, lãi trong hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn, lãi. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 3437/HĐTC ngày 28/4/2010 được ký kết giữa Ngân hàng NViệt Nam với ông La Hà S, bà Hồ Thị Quyền.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông La Hà S, bà Hồ Thị Q phải hoàn trả lại cho Ngân hàng NViệt Nam 500.000 đồng.

3. Về án phí:

Ông La Hà S, bà Hồ Thị Q phải chịu 16.223.500 đồng (Mười sáu triệu hai trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng NViệt Nam được nhận lại 6.972.000 đồng (Sáu triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002151 ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Giũ    Nguyễn Hoàng Tuấn**

**Lê Thị Hồng Thi**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**Lê Thị Hồng Thi**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
NAM  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

2015

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Châu Phú, ngày 26 tháng 01 năm*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

\* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

\* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

\* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi